

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2021

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 16/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn x, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Quốc H, sinh năm 1980.

ĐKNKTT: Thôn x, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà xx TH, phường NL, TP. ĐH, tỉnh Quảng Bình

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh H(anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Quốc H xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 5/2015 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp, trong cuộc sống anh H không tu chí làm ăn, hay bài bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Đỗ Quốc H.

Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Đỗ Huy H1, sinh ngày 22/11/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/01/2015. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn xin được nuôi 2 con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Mỗi cháu 1.000.000đ/tháng).

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Bùi Thị L đã cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh H tại số nhà xx TH, phường NL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình nên ngày 03/12/2020 TAND huyện Nông Cống đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ gửi TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Tại bản tự khai ngày 14/01/2021, bị đơn là anh Đỗ Quốc H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L kết hôn ngày 08/11/2006 tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hai bên đã tìm biện pháp khắc phục nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2015 vợ chồng sống ly thân đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị L có nguyện vọng xin được ly hôn, anh H cũng đồng ý. Do công việc của anh phải đi làm ăn xa nên không về tham gia phiên tòa được; vì vậy anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh và chị L có 2 con chung là Đỗ Huy H1, sinh ngày 22/11/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/01/2015. Ly hôn anh có nguyện vọng giao 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho 2 cháu.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán

được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Đỗ Quốc H nhưng anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của anh H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

* Về nội dung:

Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015. Tại bản tự khai, cả hai bên đương sự đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị được ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh H.

Về con chung: Hiện nay hai con chung là Đỗ Huy H1, sinh ngày 22/11/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/01/2015 đang ở với chị L. Hai bên đương sự đều thống nhất giao hai cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (mỗi tháng 2.000.000đ/2 cháu) kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi con đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị L khởi kiện xin được ly hôn anh Đỗ Quốc H có hộ khẩu thường trú tại xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Quốc H có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Đỗ Quốc H, tuy nhiên anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Đỗ Quốc H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt. Trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Tuy vợ chồng cũng đã tìm biện pháp để khắc phục nhưng không được, sau đó mỗi người sống một nơi. Chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị L xin được ly hôn, về phía anh H cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có 2 con chung. Ly hôn chị L có nguyện vọng xin được nuôi 2 con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 2.000.000đ. Về phía anh H cũng đồng ý giao 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/2 cháu. Trong khi đó, cháu Đỗ Huy H1 có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao 2 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Mỗi cháu 1.000.000đ/tháng) là phù hợp.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Đỗ Quốc H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Huy H1, sinh ngày 22/11/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/01/2015 cho chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (mỗi tháng 2.000.000đ), kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Anh Đỗ Quốc H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002242 ngày 21/10/2020, chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Quốc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị L, vắng mặt anh H. Chị L được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TT, huyện NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh